TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2019
V/v tranh chấp: "Ly hôn và quyền nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Tấn Nga;

- Ông Nguyễn Công Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn và quyền nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Bến C, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Quách Minh H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 24/12/2018 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:

Chị và anh Quách Minh H là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2013, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Bến C, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu

hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh H có hành vi bạo lực gia đình. Do hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh H ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm thăm hỏi, lo lắng cho nhau, chị không còn tình thương yêu dành cho chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Vợ chồng có một con chung tên Quách Khởi M, sinh ngày 30/8/2014 hiện con đang sống với chị, chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2019 của Tòa án, đơn phản tố ngày 20/5/2019, cũng như quá trình giải quyết vụ án anh Quách Minh H trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo chị Th trình bày anh không thống nhất. Sau khi kết hôn anh về bên gia đình vợ sinh sống. Sau một năm chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị Th không chung thủy, anh có đánh vợ 01 bạt tay. Sau đó chị Th bỏ nhà đi, anh đã nhiều lần liên lạc, tìm kiếm nhưng không gặp, cho đến khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án mới biết chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn. Vợ chồng có một con chung tên Quách Khởi M, sinh ngày 30/8/2014 hiện đang sống cùng chị Th. Về tài sản chung của vợ chồng gồm có quyền sử dụng đất thổ cư chiều ngang 05m, chiều dài 25m tọa lạc tổ K, ấp X, xã Bến C, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đất do vợ chồng cùng đứng tên quyền sử dụng có giá trị 400.000.000 đồng. Về nợ chung: Khoảng năm 2017 hoặc năm 2018 vợ chồng có vay nợ Ngân hàng L huyện Dương Minh Châu số tiền 50.000.000 đồng.

Do vẫn còn thương vợ nên anh yêu cầu được hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Nếu Tòa án giải quyết phải ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng; yêu cầu chia đôi tài sản chung là giá trị quyền sử dụng đất thổ cư nêu trên, đồng ý giao cho chị Th được sở hữu, sử dụng phần đất, chị Th có nghĩa vụ trả cho anh giá trị quyền sử dụng đất 200.000.000 đồng. Chia đôi nợ chung 50.000.000 đồng, anh và chị Th mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 25.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Th được ly

hôn với anh H, vì tình cảm vợ chồng không còn; giao chị Th được nuôi dưỡng con chung và không xem xét về cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu; không xem xét tài sản chung do anh H không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí; đối với nợ chung không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Th yêu cầu ly hôn với anh H và giải quyết quyền nuôi con chung. Quan hệ tranh chấp nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn anh H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày 19/7/2013 chị Th và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bến C, huyện Dương Minh Ch, tỉnh Tây Ninh, cả hai đều khai nhận kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Lời trình bày của nguyên đơn chị Th thể hiện, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung tẻ nhạt, anh H có hành vi bạo lực gia đình, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, chị Th không còn tình thương yêu dành cho anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Còn bị đơn anh H trình bày sau 01 năm chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị Th không chung thủy, anh thừa nhận có đánh vợ 01 bạt tay. Sau đó chị Th bỏ nhà đi, anh đã nhiều lần liên lạc, nhưng không gặp được. Do vẫn còn thương vợ nên anh yêu cầu hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án đã hòa giải đoàn tụ và động viên vợ chồng hàn gắn nhưng không thành vì chị Th cương quyết ly hôn do không còn hạnh phúc và không muốn tiếp tục chung sống với anh H. Mặt khác, thời gian vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay đã gần một năm, sau khi ly thân người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H đã đến mức trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th được ly hôn với anh H, còn anh H xin hàn gắn là không đủ cơ sở.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Quách Khởi M, sinh ngày 30/8/2014 hiện đang sống cùng chị Th. Chị Th và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy cháu M hiện đang sống với chị Th đã ổn định về mặt vật chất, lẫn tinh thần và học hành, chị Th có nơi ở ổn định, nếu giao cháu M cho anh H nuôi sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống tâm lý hiện tại của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Ngược lại anh H cho rằng tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất thổ cư chiều ngang 05m, chiều dài 25m tọa lạc tổ K, ấp X, xã Bến C, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đất do vợ chồng cùng đứng tên quyền sử dụng có giá trị 400.000.000 đồng. Khoảng năm 2017 – 2018 vợ chồng có vay nợ Ngân hàng L huyện Dương Minh C số tiền 50.000.000 đồng. Ngoài số tài sản và nợ chung nêu trên vợ chồng không còn tài sản và nợ chung nào khác. Xét thấy, tài sản chung và nợ chung anh H yêu cầu, nhưng chị Th không thừa nhận, anh H không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Ngược lại, chị Th xuất trình chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 080290 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29/3/2016 cho chị Phạm Thị Th đứng tên quyền sử dụng, diện tích 267m^2, tại thửa 130, TBĐ 20, tọa lạc ấp X, xã Bến C, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc đất do nhận thừa kế. Ngoài ra, chị Th còn cung cấp văn bản phân chia tài sản thừa kế được công chứng, chứng thực hợp pháp vào ngày 20/01/2016, thể hiện tài sản là diện tích đất nêu trên chị Th được thừa kế riêng, hợp pháp từ cha ruột của chị là ông Phạm Văn H1. Tuy nhiên, anh H cho rằng diện tích đất trên là tài sản chung của vợ chồng và anh có làm đơn yêu cầu chia đôi tài sản xin hưởng giá trị nhận bằng tiền 200.000.000 đồng, Tòa án ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số 185/TB-TA, ngày 11/6/2019 tống đạt hợp lệ cho anh H nhận vào ngày 11/6/2019, hết thời hạn nộp tiền nhưng anh H không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật, nên ngày 08/7/2019 Tòa án đã

ra Thông báo số 405/TB-TA trả lại đơn yêu cầu chia tài sản chung cho anh H và không đặt ra xem xét. Đối với nợ chung: Chị Th cung cấp Hợp đồng tín dụng số 5702LAV201803548/HĐTD ngày 18/4/2018 của Ngân hàng L chi nhánh huyện Dương Minh C, tỉnh Tây Ninh – Phòng giao dịch khu vực Cầu Kh, chứng cứ thể hiện chị Th có vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, nay chị Th đã trả xong nợ cho Ngân hàng và nhận lại tài sản thế chấp. Vì vậy, hiện nợ chung của vợ chồng không có, anh H yêu cầu chia đôi là không có cơ sở, vì không có nợ chung.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định pháp luật do chị là người yêu cầu ly hôn.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Quách Minh H.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Phạm Thị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Quách Khởi M, sinh ngày 30/8/2014 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Quách Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, do đương sự không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003420 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, chị Th đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh H là người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Bến C, huyện Dương Minh C, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nam